

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024)
LỚP K16A-D1B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

			Số Đvht : Số thứ tự :										
			3	4	5	3	5	2					
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)					
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011007	Phan Huyền My	31/10/2003	8.9	6.9	7.5	5.1	8.0	7.0	7.3	Khá		
2	16011025	Nguyễn Thu Ngân	14/04/2004	0.0	7.4	3.9	3.2	7.6	5.8	4.9	Yếu		3=50.0%(1:0)(4:0)
3	16011003	Lưu Thị Ngọc Ngát	14/05/2002	8.1	3.1	7.1	7.6	7.5	7.7	6.7	T.bình khá		1=16.7%(2:0)
4	16011007	Sầm Mai Thảo Nguyên	15/10/2004	8.7	6.6	7.5	7.1	7.5	7.0	7.4	Khá		
5	16011003	Lê Thị Hồng Nhung	04/06/2000	0.6	6.8	7.9	8.0	7.9	6.4	6.6	T.bình khá		1=16.7%(1:0)
6	16011004	Nguyễn Cẩm Nhung	05/07/1999	8.9	8.2	8.0	8.2	8.2	7.3	8.2	Giỏi		
7	16011002	Đặng Thị Ngọc Oanh	03/11/2002	8.3	7.4	7.4	8.0	7.9	5.8	7.6	Khá		
8	16011001	Trần Thị Phương	20/04/2000	0.0	3.1	5.5	2.9	8.2	2.8	4.3	Yếu		4=66.7%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
9	16011003	Nguyễn Thu Phương	25/07/2003	7.5	7.3	5.3	7.1	7.6	5.6	6.8	T.bình khá		
10	16011008	Kiều Thị Thanh Phương	26/12/2003	7.7	8.0	7.3	8.2	8.1	6.4	7.7	Khá		
11	16011000	Trần Thị Phương	15/10/2000	8.3	8.5	7.3	8.4	7.6	6.5	7.8	Khá		
12	16011005	Bùi Như Quỳnh	30/10/2004	9.2	7.8	8.3	8.4	8.0	6.4	8.1	Giỏi		
13	16011029	Lê Sơn Tài	20/01/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
14	16011001	Ngô Trường Thọ	11/11/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
15	16011007	Nguyễn Thị Kim Thoa	15/10/2004	0.0	8.6	7.8	8.0	8.1	7.0	6.9	T.bình khá		1=16.7%(1:0)
16	16011006	Trần Thị Thu	12/10/2004	8.1	8.2	7.7	8.4	7.8	7.0	7.9	Khá		
17	16011000	Tạ Thị Hoài Thư	07/01/2003	8.3	8.6	7.5	7.5	7.8	7.6	7.9	Khá		
18	16011005	Phạm Thị Hồng Thúy	18/10/2004	8.3	7.9	6.8	8.4	7.7	6.4	7.6	Khá		
19	16011012	Nguyễn Thanh Thúy	27/09/2004	8.1	8.1	7.1	8.3	8.1	7.0	7.8	Khá		

			Số Đvht :	3	4	5	3	5	2					
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)					
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
20	16011023	Trần Thị Thùy	19/10/2004	8.3	7.4	7.0	8.0	7.7	7.0	7.5	Khá			
21	16011006	Nguyễn Thị Thu Trang	08/09/2002	7.9	7.4	7.0	8.2	7.8	7.0	7.5	Khá			
22	16011008	Nguyễn Thị Hà Trang	01/11/1998	9.1	8.4	7.6	8.4	7.7	7.0	8.0	Giỏi			
23	16011014	Phùng Thị Thu Trang	09/10/2004	7.9	8.6	4.2	7.5	7.8	7.6	7.1	Khá		1=16.7%	
24	16011005	Lê Thị Thanh Trúc	15/10/2004	7.7	8.6	7.7	7.4	8.1	7.6	7.9	Khá			
25	16011006	Nguyễn Thị Thu Uyên	18/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)	
26	16011003	Lê Thị Thảo Vân	15/09/2003	8.3	8.6	7.7	8.0	8.1	7.0	8.0	Giỏi			
27	16011008	Trịnh Mai Vân	21/11/2004	8.1	2.4	7.2	7.9	7.9	2.4	6.3	T.bình khá		2=33.3%(2:0)(6:0)	
28	16011001	Lầu Y Xừ	27/04/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)	